

Số: 05/2023/QĐDS- ST

Cần Giuộc, ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng
đất để thi hành án

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên họp: Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST-VDS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án” Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐPH-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023.

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Thái Ngọc Đ, sinh năm: 1959, cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Bà Trần Thị P, sinh năm: 1952; (có mặt).

2.2. Anh Nguyễn Thu X, sinh năm: 1982; (có mặt).

2.3. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1991; (vắng mặt)

2.4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1974; (có mặt).

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2.5. Anh Nguyễn Thành H, sinh năm: 1976; (có mặt).

2.6. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1977; (có mặt).

2.7. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1984; (có mặt).

2.8. Anh Nguyễn Thành P1, sinh năm: 1988; (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2.9. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2.10. Chị Trần Thị T1, sinh năm: 1980; (vắng mặt)

2.11. Cháu Nguyễn Duy T2, sinh năm: 2008; (vắng mặt)

2.12. Cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm: 2013. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An

(Chị T1 là vợ của anh Nguyễn Hữu S1, sinh năm: 1980- anh S1 chết năm 2012; cháu T2 và cháu Ý là con chị T1 và anh S1).

2.13. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm: 1964, cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt);

2.14. Anh Nguyễn Thanh S2, sinh năm: 1993, cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt);

2.15. Bà Huỳnh Thị Ngọc T3, sinh năm: 1977, cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai đề ngày 28/12/2022, bà Thái Ngọc Đ trình bày:

Nội dung Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tuyên bà Trần Thị P, anh Nguyễn Thu X có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 96.800.000 đồng và lãi vay còn nợ là 23.907.180 đồng, tổng cộng là 120.707.180 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngày 11/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 270/QĐ-CCTHADS theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Ngọc Đ.

Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tuyên bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ là 125.803.250 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngày 18/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Ngọc Đ.

Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn M1 đã chết có các người con gồm anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành H;

anh Nguyễn Hữu T; chị Nguyễn Thị Thu S; anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu S1 (anh S1 đã chết), anh S1 có vợ là chị Trần Thị T1, cháu T2 và cháu Ý là con chị T1 và anh S1. Ông M1 và bà P không có con nuôi, cha mẹ của ông M1 đã chết. Bà P và ông M1 có tạo lập khối tài sản chung là:

+ Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, loại đất HNK, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An

+ Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 27/02/1997, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0803 QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

+ Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 04/01/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1585QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Văn bản số 910 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc thông báo cho các đương sự gồm bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Thành H, chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Văn Đ1, bà Thái Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Bạch Y, anh Nguyễn Thanh S2, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án.

Căn cứ vào Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, bà Thái Ngọc Đ thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch Y xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Trần Thị P trong khối tài sản chung giữa bà Trần Thị P với ông Nguyễn Văn M1 (đã chết); và xác định kỷ phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Trần Thị P trong di sản mà ông Nguyễn Văn M1 chết để lại để thi hành án. Đồng thời bà Đ yêu cầu Tòa án xác định kỷ phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M trong di sản mà ông Nguyễn Văn M1 chết để lại để thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Thành H, chị Nguyễn Thị Thu S thống nhất trình bày tại phiên họp: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT; thửa đất số 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, loại đất HNK; thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa,

đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; quyền sở hữu căn nhà trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02 là tài sản chung của bà P và ông M1. Bà P và ông M1 có các con ruột là anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành H; anh Nguyễn Hữu T; chị Nguyễn Thị Thu S; anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu S1 (anh S1 đã chết), anh S1 có vợ là Trần Thị T1, cháu T2 và cháu Ý là con chị T1 và anh S1. Các con ruột không có đóng góp đối với khối tài sản này. Căn nhà và công trình trên thửa 1654 cũng là tài sản của bà P và ông M1, nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Bà P và các con đã nhận được văn bản số 910 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, thống nhất với M2 trích đo địa chính thửa 1076 (pcl) và thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 30/3/2023. Qua yêu cầu của bà Thái Ngọc Đ, bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Thành H, chị Nguyễn Thị Thu S đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ1 có văn bản nêu ý kiến là thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Thành H, chị Nguyễn Thị Thu S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1, cháu T2 và cháu Ý là con chị T1 và anh Nguyễn Hữu S1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu của bà Thái Ngọc Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà có thuê công trình trên thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An để kinh doanh vật liệu xây dựng. Việc thuê có lập hợp đồng, nhưng hiện đã hết hạn. Bà P có cho bà C tiếp tục thuê. Mỗi tháng bà C đều trả tiền thuê cho bà P. Đối với yêu cầu liên quan xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án thì bà C không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bạch Y, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 trình bày trong quá trình giải quyết, anh Nguyễn Thanh S2 trình bày tại phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 và anh Nguyễn Thanh S2 thống nhất để bà Nguyễn Thị Bạch Y xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Trần Thị P trong khối tài sản chung giữa bà Trần Thị P với ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và phần tài sản thừa kế của bà Trần Thị P trong khối di sản của ông Nguyễn Văn M1 chết để lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên họp và người yêu cầu là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Toà án chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Thái Ngọc Đ. Xác định chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thu X, mỗi người là người có quyền sử dụng đất đối với 1/9 trong 1/2 Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong 1/2 quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 27/02/1997, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0803 QSĐĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong 1/2 quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 04/01/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1585QSĐĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Bà Thái Ngọc Đ yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Căn cứ vào quy định tại Khoản 9 Điều 27, Khoản 2 Điều 35, Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị Kim C, chị Trần Thị T1; cháu Nguyễn Duy T2; cháu Nguyễn Thị Như Ý đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà Huỳnh Thị Ngọc T3, bà Nguyễn Thị Bạch Y có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành phiên họp mà vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Bà Thái Ngọc Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 và anh Nguyễn Thanh S2 thống nhất để bà Nguyễn Thị Bạch Y xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Trần Thị P trong khối tài sản chung giữa bà Trần Thị P với ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và phần tài sản thừa kế của bà Trần Thị P trong khối di sản của ông Nguyễn Văn M1 chết để lại nên Toà án ghi nhận.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tuyên bà Trần Thị P, ông Nguyễn Thu X có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 96.800.000 đồng và lãi vay còn nợ là

23.907.180 đồng, tổng cộng là 120.707.180 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngày 11/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 270/QĐ-CCTHADS theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Ngọc Đ.

Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tuyên bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ là 125.803.250 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngày 18/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Ngọc Đ.

[2.2] Văn bản số 910 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc về việc khởi kiện tranh chấp liên quan tài sản thi hành án đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự gồm chị Nguyễn Thị M, bà Trần Thị P, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Thành H, chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Văn Đ1, bà Thái Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Bạch Y, bà Huỳnh Thị Ngọc T3, anh Nguyễn Thanh S2.

[2.3] Nội dung Văn bản số 1396/CCTT-CN-VPĐKDDĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đề ngày 28/04/2023 xác định:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, hiện không còn lưu hồ sơ.

[2.4] Nội dung Văn bản số 2281/CCTT-CN-VPĐKDDĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đề ngày 18/11/2022 xác định:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ biên động và hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng thì thửa đất 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, tỷ lệ 1/2000 tại xã P hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.5] Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa 1076, tờ bản đồ số 02, đất tại xã Phước Lý do Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh L cung cấp thể hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 căn cứ vào diện tích đất việc ông M1 tự kê khai, Ủy ban nhân dân xã P tiến hành họp xét ngày 17/01/1997, lập tờ trình và danh

sách các đương sự đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu TW, không có trích đo bản đồ địa chính, thuộc trường hợp cấp giấy lần đầu.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa 1654, tờ bản đồ số 02, đất tại xã Phước Lý do Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh L cung cấp thể hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 căn cứ vào diện tích đất việc ông M1 tự kê khai, Ủy ban nhân dân xã P tiến hành họp xét ngày 12/12/1998, lập tờ trình và danh sách các đương sự đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu TW, không có trích đo bản đồ địa chính, thuộc trường hợp cấp giấy lần đầu.

[2.6] Căn cứ vào nội dung Văn bản số 825/CAH-QLHC ngày 10/5/2023 của Công an huyện C, tỉnh Long An cung cấp; kết quả xác minh của công an xã P, huyện C ngày 01/6/2023 và lời khai của bà Trần Thị P, Tòa án có cơ sở xác định: Cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn M1 là Nguyễn Văn L, sinh năm: 1904 (đã chết), bà Đoàn Thị N, sinh năm: 1910 đã chết; ông M1 và bà P là vợ chồng, có các người con là anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành H; anh Nguyễn Hữu T; chị Nguyễn Thị Thu S; anh Nguyễn Thành P1, anh Nguyễn Hữu S1 (anh S1 đã chết), ông S1 có vợ là Trần Thị T1, cháu T2 và cháu Ý là con chị T1 và anh S1. Ông M1 và bà P không có con nuôi.

[2.7] Bà Trần Thị P xác định bà P với ông M1 có đăng ký kết hôn. Ông M1 chết không để lại di chúc để định đoạt di sản. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở là cấp trong thời kỳ hôn nhân của ông M1 và bà P nên:

+ Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 27/02/1997, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0803 QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

+ Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 04/01/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1585QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân dân gia đình năm 1986.

Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân dân gia đình năm 2000.

[2.9] Từ khi thụ lý vụ việc đến khi mở phiên họp dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý việc dân sự và các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn Đ1, chị Trần Thị T1, chị T1 đại diện hợp pháp cho cháu

Nguyễn Duy T2; cháu Nguyễn Thị Như Ý nhưng không ai có ý kiến phản đối, tranh chấp về nguồn gốc các thửa đất, căn nhà trên đất; yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành H; anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Thu S; anh Nguyễn Thành P1 đồng ý với yêu cầu của bà Thái Ngọc Đ, thống nhất về nguồn gốc các thửa đất, căn nhà trên đất. Các đương sự không cung cấp chứng cứ để chứng minh về di chúc hay công sức đóng góp của mỗi thành viên theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt khác, bà Trần Thị P xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở các phần tài sản nêu trên là tài sản chung của ông M1, bà P, các con hoàn toàn không có đóng góp nên các người con được hưởng bằng nhau.

[2.10] Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định:

[2.10.1] Quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, và thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản chung của bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn M1. Do đó, việc bà Thái Ngọc Đ yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản thừa kế của anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M trong khối di sản của ông Nguyễn Văn M1 chết để lại tại phần đất thuộc thửa đất 1076 và 1654 để thực hiện việc thi hành Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 và Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc là có căn cứ.

Cụ thể, phần di sản ông M1 chết để lại gồm quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1076 và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1654. Người thừa kế theo quy định pháp luật của ông M1 gồm: Bà Trần Thị P, anh Nguyễn Thu X, anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành H; anh Nguyễn Hữu T; chị Nguyễn Thị Thu S; anh Nguyễn Thành P1, chị Trần Thị T1; cháu Nguyễn Duy T2; cháu Nguyễn Thị Như Ý (Chị T1, cháu T2 và cháu Ý là thừa kế chuyển tiếp của anh Nguyễn Hữu S1). Di sản của ông M1 được chia thành 9 suất. Anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M, mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{9}$ trong $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1076 và $\frac{1}{9}$ trong $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1654.

[2.10.3] Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là $268m^2$ trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản chung của bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn M1. Do đó, việc bà Thái Ngọc Đ yêu cầu Tòa án xác định phần phần tài sản thừa kế của anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M đối với di sản của ông M1 để lại là căn nhà nêu trên để thực hiện việc thi hành Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 và Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc là có căn cứ.

Cụ thể, phần di sản của ông M1 liên quan quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà có diện tích sàn là $268m^2$ trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Theo cách nhận định ở đoạn 2 mục [2.10.1], thì anh

Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M, mỗi người được được quyền sử dụng 1/9 trong ½ căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

[2.10.3] Thửa đất 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, tỷ lệ 1/2000, tại xã P hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, nhà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận là chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.... nên tại thời điểm hiện tại, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc chưa thể xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người được thi hành bản án trong khối tài sản chung để thi hành án.

Do đó, việc bà Đ yêu cầu Tòa án xác định phần phân tài sản thừa kế của anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M đối với di sản của ông M1 để lại tại phần đất thuộc thửa đất 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, tỷ lệ 1/2000 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An để thực hiện việc thi hành Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 và Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc là chưa đủ cơ sở.

[2.11] Trên phần thửa đất 1654 có căn nhà và công trình kiến trúc mà bà P cho chị Nguyễn Thị Kim C thuê thì các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng. Bà P và bà Đ, mỗi người chịu ½ chi phí. Bà Trần Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà Đ số tiền 350.000 đồng.

[4] Lệ phí: Bà Thái Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được miễn lệ phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm a Khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 378 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 27 Luật Hôn nhân dân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu của bà Thái Ngọc Đ về việc yêu cầu Tòa án xác định phần phân tài sản thừa kế của anh Nguyễn Thu X, chị Nguyễn Thị M

đối với di sản của ông M1 để lại tại phần đất thuộc thửa đất 33 (pcl), tờ bản đồ số 11, tỷ lệ 1/2000 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An để thực hiện việc thi hành Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 và Bản án số 69/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

[2] Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Thái Ngọc Đ.

Xác định chị Nguyễn Thị M là người có quyền sử dụng đất đối với 1/9 trong 1/2 Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong ½ quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 27/02/1997, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0803 QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong ½ quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 04/01/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1585QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Xác định anh Nguyễn Thu X là người có quyền sử dụng đất đối với 1/9 trong 1/2 Quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 14/10/2008 theo Quyết định số 11962/QĐ-UBND đối với căn nhà có diện tích sàn là 268m² trên thửa đất 1076, tờ bản đồ số 2, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong ½ quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 27/02/1997, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0803 QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; 1/9 trong ½ quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M1 vào ngày 04/01/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1585QSDĐ/0502-LA, đối với thửa đất 1654, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng. Bà P và bà Đ, mỗi người tự nguyện chịu ½ chi phí. Bà Trần Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà Đ số tiền 350.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Lệ phí: Bà Thái Ngọc Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, nhưng được miễn lệ phí.

[5] Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải

quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự để yêu cầu Tòa án trên một cấp trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân